UBND THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23 /BC-TCKH

TP. Hải Dương, ngày 05 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO THUYẾT MINH
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ QUÝ I NĂM 2023

I. VỀ THU NGÂN SÁCH

1. Thu ngân sách nhà nước:

Trong 3 tháng đầu năm 2023, địa bàn thành phố thu NSNN đạt 422 tỷ 205 triệu đồng, đạt 35% dự toán, 60% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Các khoản thu về đất: Thu tiền sử dụng đất đạt 46 tỷ 948 triệu đồng đạt 10% dự toán, 37% so với cùng kỳ; Thu tiền thuê đất đạt 8 tỷ 719 triệu đồng đạt 48% dự toán và 24% so với cùng kỳ; Thuế SDĐ PNN đạt 561 triệu đồng đạt 4% dự toán, 108% so với cùng kỳ;

- Thu thuế ngoài quốc doanh thu được 178 tỷ 790 triệu đồng, đạt 46% dự toán; 79% so với cùng kỳ;

- Thu thuế thu nhập cá nhân: thu được 39 tỷ 495 triệu đồng, đạt 41% dự toán, 73% so với cùng kỳ;

- Thu tiền Lệ phí trước bạ thu được 44 tỷ 458 triệu đồng, đạt 25% dự toán, 82% so với cùng kỳ;

- Thu tiền phí, lệ phí thu được 12 tỷ 611 triệu đồng, đạt 49% so với dự toán, 106% so với cùng kỳ;

- Thu khác ngân sách đạt 22 tỷ 568 triệu đồng, đạt 67% so với dự toán, 71% so với cùng kỳ.

2. Thu ngân sách thành phố: Tổng thu ngân sách thành phố 3 tháng đầu năm đạt: **996 tỷ 097 triệu đồng,** đạt 67% dự toán, 82% so với cùng kỳ, trong đó:

- Các khoản thu nội địa 205 tỷ 425 triệu đồng, đạt 18% dự toán, 110% so với cùng kỳ.

- Thu chuyển giao ngân sách 95 tỷ 862 triệu đồng.

- Thu chuyển nguồn 664 tỷ 810 triệu đồng.

Trong 03 tháng đầu năm 2023, có 07/10 khoản thu đạt và vượt chỉ tiêu đề ra **là thu từ khu vực doanh nghiệp,** thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, thuế thu **nhập cá nhân, thu phí lệ phí,** tiền cho thuê mặt đất, mặt nước, lệ phí trước bạ, thu **khác ngân sách. 03/10 khoản thu** có tỷ lệ thu còn thấp là Thu tiền sử dụng đất, thuế

sử dụng đất phi nông nghiệp, thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản. Nguyên nhân: thu tiền sử dụng đất đang tiến hành các thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đang triển khai thực hiện.

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH

Tổng chi ngân sách thành phố 3 tháng đầu năm đạt 338 tỷ 292 triệu đồng, đạt 23% dự toán và 62% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển là 99 tỷ 522 triệu đồng bằng 26% dự toán và 32% so với cùng kỳ năm ngoái.

- Chi thường xuyên 238 tỷ 770 triệu đồng, bằng 23% dự toán và 101% so với cùng kỳ năm ngoái.

Chi thường xuyên 3 tháng đầu năm chủ yếu là kinh phí mua cây bóng mát phục vụ Tết trồng cây mùa xuân, hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên kế toán tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập theo Quyết định số 24/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ, kinh phí hỗ trợ công tác diệt chuột bảo vệ sản xuất nông nghiệp...

(chi tiết theo biểu đính kèm)

Trên đây là Báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách thành phố Quý I năm 2023./.

Nơi nhận:
- UBND thành phố (để BC);
- VP HĐND & UBND TP;
- Lưu: TCKH.

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH
TP HẢI DƯƠNG - T. HẢI DƯƠNG

Nguyễn Đức Phương

Biểu số 93/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 23 /BC-TCKH ngày 05 / 4 /2023 của phòng TCKH TP)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 03 tháng	So sánh Thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	**TỔNG NGUỒN THU NS HUYỆN**	**1.452.123**	**966.097**	**67**	**82**
I	**Thu cân đối NS HUYỆN**	**1.168.652**	**205.425**	**18**	**110**
1	Thu nội địa	1.168.652	205.425	18	110
2	Thu viện trợ				
II	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**		**664.810**		**88**
III	**Thu chuyển giao ngân sách**	**283.471**	**95.862**	**34**	**40**
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**1.452.123**	**338.292**	**23**	**62**
I	**Tổng chi cân đối ngân sách huyện**	**1.438.223**	**338.292**	**24**	**62**
1	Chi đầu tư phát triển	377.657	99.522	26	32
2	Chi thường xuyên	1.032.718	238.770	23	101
3	Dự phòng ngân sách	27.848			
II	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh**	**13.900**			

Biểu số 94/CK-NSNN

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 23 /BC-TCKH ngày 05/4 /2023 của phòng TCKH TP)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 03 tháng	So sánh Thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**1.212.600**	**422.205**	**35**	**60**
I	**Thu nội địa**	**1.212.600**	**422.205**	**35**	**60**
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	13.000	57.977		419
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		7.386		6
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	386.000	178.790	46	79
4	Thuế thu nhập cá nhân	95.700	39.495	41	73
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	175.000	44.458	25	82
7	Thu phí, lệ phí	26.000	12.611	49	106
8	Các khoản thu về nhà, đất	482.000	56.228	12	35
-	*Thuế sử dụng đất nông nghiệp*				
-	*Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*	14.000	561	4	108
-	*Thu tiền sử dụng đất*	450.000	46.948	10	37
-	*Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước*	18.000	8.719	48	24
-	*Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước*				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		2.592		
10	Thu khác ngân sách	33.900	22.568	67	71
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1.000	100		0
II	**Thu viện trợ**				
B	**THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**1.168.652**	**205.425**	**18**	**63**
1	Từ các khoản thu phân chia	1.132.912	193.283	17	70
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	35.740	12.142	34	25

Biểu số 95/CK-NSNN

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 23 /BC-TCKH ngày 05 / 4 /2023 của phòng TCKH TP)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 03 tháng	So sánh Thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	**1.452.123**	**338.292**	**23**	**62**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**1.438.223**	**338.292**	**24**	**62**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**377.657**	**99.522**	**26**	**32**
1	Chi đầu tư cho các dự án	377.657	99.522	26	32
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	**Chi thường xuyên**	**1.032.718**	**238.770**	**23**	**101**
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	447.184	97.517	22	92
2	Chi khoa học và công nghệ				
3	Chi y tế, dân số và gia đình	906	60	7	
4	Chi văn hóa thông tin, thể thao	5.668	1.007	18	146
5	Chi phát thanh, truyền hình	4.099	794	19	99
6	Chi thể dục thể thao				
7	Chi bảo vệ môi trường	137.994	51.707	37	132
8	Chi hoạt động kinh tế	127.942	33.858	26	104
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	154.018	30.921	20	97
10	Chi an ninh quốc phòng	22.072	6.387	29	137
11	Chi khác	74.576	500	1	48
12	Chi bảo đảm xã hội	58.259	16.019	27	85
III	**Dự phòng ngân sách**	**27.848**			
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**	**13.900**			
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	13.900			